

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-PT

Ngày: 10- 01- 2023

V/v tranh chấp: “Ly hôn, chia tài
sản chung sau ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Ngoan.

Các Thẩm phán: 1/ Bà Lưu Thị Thu Thủy;

2/ Bà Nguyễn Ái Doan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Hữu Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2022/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 298/2022/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 09 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 384/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Hà Văn H**, sinh năm 1951. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Bà **Mai Thị Á**, sinh năm 1953. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: 1. Luật sư: Lê Anh N;
2. Luật sư: Nguyễn Tiến H1 - Công ty L1, thuộc Đoàn luật sư thành phố H.

Địa chỉ: Số E, ngõ A, phố P, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị **Hà Thị Kim T**, sinh năm 1976. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2/ Chị **Hà Thị Thúy K (Hà Thị K)** sinh năm 1983. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3/ Chị **Hà Thị D**, sinh năm 1977. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp V, xã V, huyện T, tỉnh Long An.

4/ Anh **Hà Đức N1**, sinh năm 1980. (Có mặt)

5/ Anh **Hà Minh T1**, sinh năm 1985. (Có mặt)

6/ Chị **Hà Thị L**, sinh năm 1990. (Xin vắng mặt)

7/ Anh **Hà Tấn H2**, sinh năm 1993. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hà Tấn H2: 1. Luật sư: Lê Anh N; 2. Luật sư: Nguyễn Tiến H1 - Công ty L1, thuộc Đoàn luật sư thành phố H.

Địa chỉ: Số E, ngõ A, phố P, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

8/ Chị **Võ Thị T2**, sinh năm 1980. (Xin vắng mặt)

9/ Cháu **Hà Thị Huỳnh N2**, sinh năm 2004. (Xin vắng mặt)

10/ Cháu **Hà Võ Trường A**, sinh năm 2009.

Đại diện theo pháp luật cháu Hà Võ Trường A là anh Hà Đức N1 và chị Võ Thị T2.

Cùng địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

11/ Chị **Hà Thị Đ**, sinh năm 1987. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: Hà Văn H; Mai Thị Â; Hà Thị Kim T; Hà Thị D; Hà Đức N1; Hà Thị Thúy K (Hà Thị K); Hà Minh T1; Hà Thị L; Hà Tấn H2; Hà Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo án sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Hà Văn H trình bày:

Do quen biết trước nên ông H và bà Â kết hôn với nhau năm 1974, không có đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát

sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bà A có lời lẽ không tốt xúc phạm đến danh dự và nhân phẩm của ông H, mâu thuẫn về chuyện tiền bạc khi bà A bỏ nhà đi thì bỏ lại số nợ hơn 500.000.000 đồng ông phải đứng ra trả cho đến hôm nay, mặc dù ông H và bà A đã nhiều lần tìm cách hàn gắn đoàn tụ nhưng không được, vợ chồng ly thân cắt đứt quan hệ vợ chồng từ năm 2010 cho đến nay. Nay ông H yêu cầu được ly hôn với bà A.

Về con chung: Có 08 con chung tên Hà Thị Kim T, sinh năm 1976, Hà Thị Thúy K, sinh năm 1983, Hà Thị D, sinh năm 1977, Hà Đức N1, sinh năm 1980, Hà Minh T1, sinh năm 1985, Hà Thị L, sinh năm 1990, Hà Tấn H2, sinh năm 1993, Hà Thị Đ, sinh năm 1987, hiện các con đã thành niên có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tài sản chung: Trong quá trình hôn nhân ông H có nhận thừa kế của cha mẹ ông để lại các thửa đất: Thửa đất số 50, diện tích 919m²; thửa số 53, diện tích 6546m²; thửa số 78, diện tích 2062m²; thửa số 79, diện tích 13.062m²; thửa số 100, diện tích 3.333m² và thửa số 102, diện tích 5728m², cùng tờ bản đồ số MTRC2 đất tọa lạc ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang do UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/11/2000 cho ông Hà Văn H đại diện hộ gia đình đứng tên. Nay tách đổi thành thửa số 212, tờ bản đồ số 08, diện tích 3.243,9m²; thửa số 214, tờ bản đồ số 08, diện tích 1.367,4m²; thửa số 203, tờ bản đồ số 08, diện tích 6305,7m²; thửa số 200, tờ bản đồ số 08, diện tích 126,1m²; thửa số 199, tờ bản đồ số 08, diện tích 193,6m²; thửa số 49, tờ bản đồ số 08, diện tích 5871,2m²; thửa số 204, tờ bản đồ số 08, diện tích 293m²; thửa số 206, tờ bản đồ số 08, diện tích 1.280,5m²; thửa số 207, tờ bản đồ số 08, diện tích 1816,1m²; thửa số 83, tờ bản đồ số 08, diện tích 589,8m²; thửa số 213, tờ bản đồ số 08, diện tích 2413,1m² tọa lạc ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp cho hộ ông Hà Văn H ngày 22/8/2018 hiện toàn bộ các thửa đất trên do ông Hà Văn H đang quản lý và sử dụng; Thửa số 205, tờ bản đồ số 08, diện tích 271,4m²; thửa số 209, tờ bản đồ số 08, diện tích 2339,4m²; thửa số 208, tờ bản đồ số 08, diện tích 3124,6m² tọa lạc ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp cho anh Hà Đức N1 ngày 09/12/2019 hiện do anh Hà Đức N1 đang quản lý và sử dụng.

Ngoài ra, ông H còn có 02 thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 210, tờ bản đồ số 8, diện tích 7.011,8m² và thửa số 211, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.626,5m² cùng tọa lạc ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang hiện do ông H đang quản lý sử dụng.

Nay khi ly hôn đối với phần đất của ông H cho anh N1 đang quản lý sử dụng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì giao cho anh N1 tiếp tục quản lý, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; Còn đối với các thửa đất còn lại thì ông H chỉ đồng ý chia cho bà A 5.000m² vị trí nằm giáp với anh N1.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Tại bản tự khai, các lời khai ngày 05/5/2021 trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Mai Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian kết hôn có đăng ký kết hôn như ông H trình bày là đúng, trong thời gian chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì trầm trọng do ông H khó khăn nên không sinh sống chung nhà từ năm 2010 đến nay. Do vợ chồng đã lớn tuổi mong muốn hàn gắn đoàn tụ để cùng chăm lo cho con cái, nên bà A không đồng ý ly hôn mong vợ chồng hàn gắn đoàn tụ.

Về con chung: Có 08 con chung tên Hà Thị Kim T, sinh năm 1976, Hà Thị Thúy K, sinh năm 1983, Hà Thị D, sinh năm 1977, Hà Đức N1, sinh năm 1980, Hà Minh T1, sinh năm 1985, Hà Thị L, sinh năm 1990, Hà Tấn H2, sinh năm 1993, Hà Thị Đ, sinh năm 1987, hiện các con đã thành niên có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà A thừa nhận toàn bộ tài sản của ông H trình bày như trên là đúng nguồn gốc các thửa đất này là do cha mẹ ông H chết để lại là đúng. Nhưng trong quá trình chung sống bà A cũng có công khai phá, bồi đắp, gìn giữ mới có được các phần đất như ngày hôm nay.

Nay bà A yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết chia đều tất cả phần đất trên cho tất cả các con chung và bà A vì tất cả các phần đất này cấp cho hộ gia đình.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Tại phiên hòa giải ngày 10/5/2022 và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hà Đức N1 trình bày:

Anh N1 là con ruột của ông H và bà A, nay cha mẹ ly hôn anh không có ý kiến gì và đối với các thửa đất anh N1 được ông H tặng cho được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì anh N1 không có ý kiến hay yêu cầu gì.

* Tại phiên hòa giải ngày 10/5/2022 và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của anh Hà Tấn H2, anh Hà Minh T1 trình bày:

Anh H2 và anh T1 là con ruột của ông H và bà A nay anh thống nhất với ý kiến của bà A yêu cầu được chia một phần đất này do đây là tài sản chung của hộ gia đình.

* Tại phiên hòa giải ngày 10/5/2022 và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hà Thị Đ, chị Hà Thị D, chị Hà Thị Kim T, chị Hà Thị Thúy K, chị Hà Thị L cùng trình bày.

Các chị là con ruột của ông H và bà Á nay anh thống nhất với ý kiến của bà Á yêu cầu được chia một phần đất này do đây là tài sản chung của hộ gia đình.

* Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 298/2022/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 09 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Áp dụng Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959; Điều 89, Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 56, Điều 59, Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật người cao tuổi.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Hà Văn H được ly hôn với bà Mai Thị Á.

2. Về tài sản chung: Chia cho bà Mai Thị Á **05** thửa đất, toàn bộ cây trồng và công trình trên đất gồm: Thửa 206, diện tích 1.280,5m²; thửa 207, diện tích 1.816,1m²; thửa 212, diện tích 3.243,9m²; thửa 213, diện tích 2.413,1m² và thửa 214, diện tích 1.367,4m² cùng tờ bản đồ số 08, tổng diện tích **10.121m²** tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang kèm theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc ngày 08/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C kèm theo:

- Chia cho ông Hà Văn H **08** thửa đất, toàn bộ cây trồng và công trình trên đất gồm: Thửa số 204, diện tích 293m²; thửa 203, diện tích 6.305,7m²; thửa 200, diện tích 126,1m²; thửa 199, diện tích 193,6m²; thửa 49, diện tích 5.871,2m²; thửa 83, diện tích 589,8m²; thửa 210, diện tích 7.011,8m²; thửa 211, diện tích 1.626,5m² cùng tờ bản đồ số 08, tổng diện tích **22.017,7m²** tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang kèm theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc ngày 08/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C kèm theo:

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Hà Văn H và bà Mai Thị Á được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất được chia theo quy định pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

* Ngày 14/10/2022 các đương sự Hà Văn H; Mai Thị Á; Hà Thị Kim T; Hà Thị D; Hà Đức N1; Hà Thị Thúy K (Hà Thị K); Hà Minh T1; Hà Thị L; Hà Tấn H2; Hà Thị Đ có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Những vấn đề cụ thể trong đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm:

1/ Ông H yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang sửa án sơ thẩm ông đồng ý chia cho bà A 5.061m² tại thửa đất số 206, tờ bản đồ số 08, diện tích 1.280,5m²; Thửa số 213, tờ bản đồ số 08, diện tích 2.413,1m²; thửa số 214, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.367,4m² cùng tọa lạc ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2/ Bà A kháng cáo toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm về tài sản chung yêu cầu chia mỗi người con gái 2.000m², mỗi người con trai 5.000m², phần diện tích đất còn lại yêu cầu chia đôi với ông H.

3/ Chị Hà Thị Kim T, chị Hà Thị Thúy K (Hà Thị K), chị Hà Thị D, chị Hà Thị L, chị Hà Thị Đ, anh Hà Đức N1, anh Hà Minh T1, anh Hà Tấn H2 kháng cáo toàn bộ nội dung của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn ông H; bị đơn bà A; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Hà Thị Kim T, chị Hà Thị L, chị Hà Thị Đ, anh Hà Đức N1, anh Hà Minh T1, anh Hà Tấn H2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Luật sư Lê Ngọc A1 tranh luận đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn không chấp nhận kháng cáo của ông H với những lý do sau:

- Vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, bà A không có gây nợ lớn để ông H trả một mình, bà A không có bạo lực gia đình và không có mâu thuẫn trầm trọng như ông H trình bày. Ông H và bà A đã lớn tuổi cả hai đều trên 70 tuổi tòa sơ thẩm căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho ly hôn là không có cơ sở.

- Về tài sản: Đây là tài sản của hộ gia đình, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện cấp cho hộ gia đình, các con Huân và bà A có đóng góp để phát triển khối tài sản này.

- Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho anh N1 có 05 thành viên trong hộ gia đình ký tên.

- Cấp sơ thẩm không phổ biến cho các đương sự quy định về giá và quyết định về phần án phí không phù hợp.

- Cấp sơ thẩm không xác minh thu thập chứng cứ thể hiện thời điểm cấp đất trong hộ có bao nhiêu thành viên là có thiếu sót. Thời điểm cấp đất là cấp cho ông H 6 thửa nhưng theo quy định thời điểm này một hộ gia đình chỉ được cấp 5 thửa.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông H không có chứng cứ chứng minh tài sản tranh chấp là của cha mẹ ông H để lại, không có tài liệu chứng minh ông H được thừa kế, nếu là di sản thừa kế thì cha mẹ ông H có bảy người con Tòa án sơ thẩm không đưa các anh em ông H tham gia tố tụng là có vi phạm.

Theo trích lục hồ sơ 299 thửa 210, 211 ông H mới kê khai chưa được cấp giấy chứng nhận tòa sơ thẩm tự công nhận hai thửa đất này cho ông H là chưa phù hợp cuối cùng luật sư Lê Ngọc A1 đề nghị hủy án sơ thẩm.

Luật sư Nguyễn Tấn H3 tranh luận: Ông H và bà A đã trên 70 tuổi thường hay đau ốm cần có sự chăm sóc lẫn nhau là cần thiết, giữa ông bà không có mâu thuẫn trầm trọng, không có bạo lực gia đình, cuối cùng luật sư H3 đề nghị không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H.

Anh Hà Tấn H2 tranh luận: Chứng cứ chúng tôi cung cấp có xác nhận của hàng xóm, hiện trạng đất trước đó và hiện trạng đất hiện nay có khác nhau do có công sức của chúng tôi, quan điểm của các anh em chúng tôi không muốn cha mẹ ly hôn, tòa sơ thẩm cho cha mẹ chúng tôi ly hôn về phần tài sản áp dụng điều 15 Luật hôn nhân gia đình năm 1959 chia cho cha chúng tôi diện tích 22.017,7 m² chia cho mẹ tôi diện tích 10.121 m² là thiệt thòi quyền lợi cho mẹ chúng tôi theo điều 15 luật hôn nhân gia đình năm 1959 “vợ chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới”. Anh em chúng tôi cũng có công sức đóng góp, gìn giữ, tôn tạo làm tăng giá trị đất, hơn nữa đất cấp cho hộ gia đình nên các anh chị em yêu cầu được chia: đối với anh em trai mỗi người 5.000 m², còn các chị gái mỗi người 2.000m².

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến: Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà A sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông H. Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của chị Hà Thị Thúy K (Hà Thị K), chị Hà Thị Diễm .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông H; bị đơn bà A; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Hà Thị Kim T, chị Hà Thị Thúy K (Hà Thị K), chị Hà Thị D, chị Hà Thị L, chị Hà Thị Đ, anh Hà Đức N1, anh Hà Minh T1, anh Hà Tấn H2, nghe các bên đương sự trình bày trước tòa. Qua tranh luận và nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến.

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn Hà Văn H khởi kiện bị đơn Mai Thị A yêu cầu ly hôn và chia tài sản chung. Án sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn” theo quy định tại Điều 56, 59, 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết tranh chấp giữa nguyên đơn Hà Văn H khởi kiện bị đơn Mai Thị A là đúng trình tự thủ tục quy định tại Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự có mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Hà Thị Thúy K (Hà Thị K); Hà Thị D mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông H; bị đơn bà A; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Hà Thị Kim T, chị Hà Thị Thúy K (Hà Thị K), chị Hà Thị D, chị Hà Thị L, chị Hà Thị Đ, anh Hà Đức N1, anh Hà Minh T1, anh Hà Tấn H2 đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo:

5.1 Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Mai Thị A.

Về quan hệ hôn nhân do quen biết trước ông H và bà A xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1974 không có đăng ký kết hôn Căn cứ vào Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Thông tư số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001, nên hôn nhân giữa ông H và bà A là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới vợ chồng chung sống có 08 người con chung và hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bà A gây nợ 500 triệu đồng ông H phải đứng ra trả, bà A có vài lần trở lại nhà để hàn gắn tình cảm nhưng không đoàn tụ được nên nay ông H yêu cầu được ly hôn và bà A cho rằng vẫn còn thương yêu ông H, vợ chồng không có mâu thuẫn lớn, hơn nữa vợ chồng đã lớn tuổi nên tính tình thay đổi, bà tha thiết xin đoàn tụ.

Xét tại đơn kháng cáo ngày 13/10/ 2022 (bút lục 187) bà A trình bày: Ông H có hành vi đánh đập, hăm dọa bà A có sự chứng kiến của mọi người xung quanh và có sự can thiệp hòa giải của chính quyền địa phương nên bà A ra đi vào năm 2010 sau đó bà có trở về nhà vài lần nhưng ông H vẫn có hành vi hăm dọa, cấm đoán bà và các con và bà cắt đứt quan hệ vợ chồng từ đó đến nay do vậy Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm của ông bà thật sự không còn nên tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào điều 51, 56 luật hôn nhân gia đình năm 2014 cho ông H và bà A được ly hôn là có cơ sở.

Về tài sản chung ông H, bà A và các con của ông bà đều thừa nhận tổng diện tích đất 32.138,7 m² kể cả phần diện tích 5.735,4 m² ông đã cho anh N1 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của cha mẹ ông H chết để lại chứ không phải do vợ chồng tự tạo lập trong thời kỳ hôn nhân mà có, bà A và các con của ông bà lớn lên và cùng nhau bỏ công sức lao động canh tác các phần đất nêu trên để sinh sống chứ không bỏ tiền ra cùng ông H mua các phần đất nêu trên, hơn nữa Căn cứ vào công văn số 2720/UBND-NC ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện C xác định thời điểm Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy ngày 29 tháng 11 năm 2000 số phát hành 412028 vào sổ cấp giấy số 1780 cho ông H đại diện hộ đứng tên nhưng không có danh sách hộ gia đình kèm theo (cấp đại trà chứ không phải cấp cho các thành viên trong hộ). Do vậy, Hội đồng xét xử xác định đây là tài sản chung của vợ chồng ông H và bà A nên khi ly hôn

căn cứ vào điều 15 luật hôn nhân gia đình năm 1959 “vợ chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với các tài sản có trước và sau khi cưới”. Do tổng diện tích đất 32.138,7 m² là của cha mẹ ông H chết để lại, ông H và bà A canh tác để nuôi sống ông bà và các con của ông bà ít nhiều gì bà A cũng có công sức đóng góp vào khối tài sản này khi ly hôn cấp sơ thẩm đã xem xét chia cho bà A một phần là phù hợp.

5.2 Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Hà Văn H.

Ông H yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang sửa án sơ thẩm, ông H đồng ý chia cho bà A 5.061m² tại thửa đất số 206, tờ bản đồ số 08, diện tích 1.280,5m²; Thửa số 213, tờ bản đồ số 08, diện tích 2.413,1m²; thửa số 214, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.367,4m² cùng tọa lạc ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Trong quá trình hôn nhân ông H được cha mẹ ông để lại các thửa đất như sau: Thửa đất số 50, diện tích 919 m²; Thửa số 53, diện tích 6.546 m²; Thửa số 78, diện tích 2.062 m²; Thửa số 79, diện tích 13.062 m²; Thửa số 100, diện tích 3.333 m²; Thửa số 102, diện tích 5.728m² các thửa đất trên tọa lạc ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang do UBND huyện C cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 29/11/2000 cho ông Hà Văn H đại diện hộ gia đình đứng tên 31.650m². Nay tách đổi cấp giấy mới thành các thửa đất như sau: Thửa số 212, tờ bản đồ số 08, diện tích 3.243,9m²; Thửa số 204, tờ bản đồ số 08, diện tích 293m²; Thửa số 203, tờ bản đồ số 08, diện tích 6.305,7m²; Thửa số 200, tờ bản đồ số 08, diện tích 126,1m²; Thửa số 199, tờ bản đồ số 08, diện tích 193,6m²; Thửa số 49, tờ bản đồ số 08, diện tích 5.871,2m²; Thửa số 206, tờ bản đồ số 08, diện tích 1.280,5m²; Thửa số 207, tờ bản đồ số 08, diện tích 1.816,1m²; Thửa số 83, tờ bản đồ số 08, diện tích 589,8m²; Thửa số 213, tờ bản đồ số 08, diện tích 2.413,1m²; Thửa số 214, tờ bản đồ số 08, diện tích 1.367,4m². Tổng cộng 11 thửa được cấp giấy cho ông H diện tích là 23.500,4m² các thửa đất cùng tọa lạc ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp cho hộ ông Hà Văn H ngày 22/8/2018 hiện toàn bộ các thửa đất trên do ông Hà Văn H đang quản lý và sử dụng.

Còn 03 thửa đất số 205, tờ bản đồ số 08, diện tích 271,4m²; thửa số 209, tờ bản đồ số 8, diện tích 2.339,4m²; thửa số 208, tờ bản đồ số 08, diện tích 3.124,6m². Tổng cộng 03 thửa anh N1 đã được cấp giấy diện tích 5.735,4m² tọa lạc ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp cho ông Hà Đức N1 ngày 09/12/2019 hiện do anh Hà Đức N1 đang quản lý và sử dụng.

Còn lại 02 thửa ông H chưa được cấp giấy: Thửa số 210, tờ bản đồ số 8, diện tích 7.011,8m²; Thửa số 211, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.626,5m². Tổng diện tích 02 thửa chưa được cấp giấy là 8.638,3m².

Xét tổng diện tích đất ông H được cấp giấy và chưa được cấp giấy là $23.500,4\text{m}^2 + 8.638,3\text{m}^2 = 32.138,7\text{m}^2$.

Về nguồn gốc phần đất này thì bà Á cùng với 08 người con ông H và bà Á xác định là của cha mẹ ông H chết để lại cho ông H quản lý canh tác, chứ không phải do vợ chồng tự tạo lập mà có, theo hồ sơ trích lục tài liệu 299 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cung cấp ngày 11/8/2022 xác định do ông H là người kê khai đăng ký, phía bà Á khi về sinh sống quản lý canh tác chứ không có công sức tạo lập, nên cấp sơ thẩm xác định các phần đất này là do cha mẹ ông H tặng cho ông H chứ đây không phải là tài sản chung của hộ gia đình.

Xét thấy tuy phần đất tranh chấp có nguồn gốc của cha mẹ ông H để lại nhưng khi bà Á về chung sống với ông H từ năm 1974, quá trình chung sống bà Á cũng có canh tác, công sức đóng góp làm tăng giá trị của phần đất, do đó cấp sơ thẩm xem xét chia cho bà Á các thửa đất gồm thửa 206, diện tích 1.280,5m²; thửa 207, diện tích 1.816,1m²; thửa 212, diện tích 3.243,9m²; thửa 213, diện tích 2.413,1m² và thửa 214, diện tích 1.367,4m² tổng diện tích 10.121m² là có căn cứ.

Ông H kháng cáo chỉ đồng ý chia cho bà Á 5.061m² tại thửa đất số 206, tờ bản đồ số 08, diện tích 1.280,5m²; Thửa số 213, tờ bản đồ số 08, diện tích 2.413,1m²; thửa số 214, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.367,4m² cùng tọa lạc ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang, xét thấy diện tích ông H đồng ý chia cho bà Á quá ít, chỉ khoảng 1/6 tổng diện tích đất ông H được cấp giấy và chưa được cấp giấy. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông H.

5.3 Xét yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Hà Thị Kim T, chị Hà Thị L, chị Hà Thị Đ, anh Hà Đức N1, anh Hà Minh T1, anh Hà Tấn H2 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Như nhận định ở trên, quá trình xét xử sơ thẩm những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là các con của ông H và bà Á không có ý kiến hay yêu cầu gì, không làm đơn yêu cầu độc lập, không nộp tạm ứng án phí. Hơn nữa các anh chị không có bỏ tiền ra để cùng ông H và bà Á tạo lập khối tài sản này, chỉ bỏ một phần công lao động phụ ông H và bà Á sản xuất trên phần đất này để sinh sống. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông H; bị đơn bà Á; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Hà Thị Kim T, chị Hà Thị L, chị Hà Thị Đ, anh Hà Đức N1, anh Hà Minh T1, anh Hà Tấn H2, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng của Hà Thị Thúy K (H); Hà Thị Diễm .

[6] Về án phí: Ông Hà Văn H không phải chịu án phí phúc thẩm do có đơn xin miễn giảm án phí được Tòa án chấp nhận. Bà Mai Thị Á được miễn án phí phúc thẩm. Hà Thị Kim T, chị Hà Thị L, chị Hà Thị Đ, anh Hà Đức N1, anh Hà Minh T1, anh Hà Tấn H2 phải chịu án phí phúc thẩm.

[7] Các phần khác của bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[8] Xét ý kiến của luật sư không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[9] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ một phần phù hợp nhận định nêu trên nên được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Hà Văn H; bị đơn bà Mai Thị Á; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Hà Thị Kim T, chị Hà Thị L, chị Hà Thị Đ, anh Hà Đức N1, anh Hà Minh T1, anh Hà Tấn H2.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng của Hà Thị Thúy K (H); Hà Thị Diễm .

Giữ nguyên bản án hôn nhân sơ thẩm số 298/2022/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 09 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Áp dụng Điều 15 Luật hôn nhân và gia đình năm 1959; Điều 89, Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 56, Điều 59, Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật người cao tuổi.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Hà Văn H được ly hôn với bà Mai Thị Á.

2. Về tài sản chung: Chia cho bà Mai Thị Á được quyền sử dụng **05** thửa đất, toàn bộ cây trồng và công trình trên đất gồm: Thửa 206, diện tích 1.280,5m²; thửa 207, diện tích 1.816,1m²; thửa 212, diện tích 3.243,9m²; thửa 213, diện tích 2.413,1m² và thửa 214, diện tích 1.367,4m² cùng tờ bản đồ số 08, tổng diện tích **10.121m²** tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang kèm theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc ngày 08/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C kèm theo:

- Chia cho ông Hà Văn H được quyền sử dụng **08** thửa đất, toàn bộ cây trồng và công trình trên đất gồm: Thửa số 204, diện tích 293m²; thửa 203, diện tích 6.305,7m²; thửa 200, diện tích 126,1m²; thửa 199, diện tích 193,6m²; thửa 49, diện tích 5.871,2m²; thửa 83, diện tích 589,8m²; thửa 210, diện tích 7.011,8m²; thửa 211, diện tích 1.626,5m² cùng tờ bản đồ số 08, tổng diện tích **22.017,7m²** tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang kèm theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc ngày 08/12/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C kèm theo:

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Hà Văn H và bà Mai Thị Á được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất được chia theo quy định pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Ông Hà Văn H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí đo đạc, định giá và xem xét thẩm định tại chỗ.

3/ Về án phí:

Miễn toàn bộ số tiền 112.570.000 đồng (Một trăm mười hai triệu năm trăm bảy mươi ngàn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung, án phí phúc thẩm cho ông Hà Văn H.

Miễn toàn bộ số tiền 39.280.500 đồng (Ba mươi chín triệu hai trăm tám mươi ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm chia tài sản chung, án phí phúc thẩm cho bà Mai Thị Á. H4 lại bà Mai Thị Á số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010297 ngày 14/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè.

Chị Hà Thị Kim T, chị Hà Thị L, chị Hà Thị Đ, anh Hà Đức N1, anh Hà Minh T1, anh Hà Tấn H2 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm được trừ vào các biên lai thu số 0010304; 0010305; 0010302; 0010300; 0010303; 0010298 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, xem như đã nộp xong án phí.

Sung vào công quỹ nhà nước số tiền 600.000 đồng chị Hà Thị Thúy K (Hà Thị K) và chị Hà Thị D đã tạm nộp theo các biên lai thu số 0010301 và số 0010299 ngày 14/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Văn Ngoan

